

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Thái Long
2. Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 369/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Ngọc Quỳnh L, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 49 đường 27/4 Khu phố P, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hồng C, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 97/2 ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Ngọc Quỳnh L trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với Lê Hồng C tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu vào ngày 29/9/2003 (Giấy đăng ký số 50, quyển số 02). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà và ông C đã ly

thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông C không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông C.

Về nuôi con chung: Bà và ông C có một con chung tên Lê Vũ Trần Luật, sinh ngày 25/6/2004, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông C không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn ông Lê Hồng C vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Cháu Lê Vũ Trần Luật có ý kiến trong trường hợp ba mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Ngọc Quỳnh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hồng C. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Ngọc Quỳnh L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Hồng C đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông C.

[2] Về nội dung tranh chấp: xét yêu cầu của bà L, thấy rằng:

[2.1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà L và ông C là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay bà L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông C. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho ông C các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, ông C đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà L. Từ đó, cho thấy ông C cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà L và ông C trên thực tế đã không còn tồn tại từ năm 2014 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Bà L và ông C có một con chung tên Lê Vũ Trần Luật, sinh ngày 25/6/2004. Xét thấy, hiện cháu Luật đang sống với bà L, cuộc sống đã ổn định, khả năng bà L có thể chăm sóc con chung tốt, hơn nữa, nguyện vọng của cháu Luật là muốn sống với mẹ nên căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Luật cho bà L nuôi dưỡng là phù

hợp. Về phần cấp dưỡng nuôi con, do bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L trình bày quá trình chung sống giữa bà và ông C không có tài sản chung và nợ chung. Ông C vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3] *Về án phí*: Bà Vũ Ngọc Quỳnh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Ngọc Quỳnh L về việc “*Ly hôn*” với ông Lê Hồng C.

1. *Về hôn nhân*: Bà Vũ Ngọc Quỳnh L được ly hôn với ông Lê Hồng C.

2. *Về con chung*: Bà L và ông C có một con chung tên Lê Vũ Trần Luật, sinh ngày 25/6/2004, hiện đang sống với bà L. Khi ly hôn, bà L được tiếp tục nuôi con, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí*: Bà Vũ Ngọc Quỳnh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001075 ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà L đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức.
- THADS huyện Bến Lức.
- Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thiên Trang

